TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2022.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

Ông Lê Trung Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng N , sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H , xã H , huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Tiêu Mỹ T, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H , xã H , huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Hoàng N trình bày: Vào năm 1991 ông Phạm Hoàng N tổ chức cưới và sống chung như vợ chồng với bà Tiêu Mỹ T, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông N và bà T hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cự cãi kéo dài không thể khắc phục để hàn gắn tình cảm được, ông N và bà T không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Do đó, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T có 02 người con chung tên Phạm Thị Diễm T , sinh năm 1992; Phạm

Hoài A, sinh năm 2001. Cả 02 người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Tiêu Mỹ T trình bày:* Thống nhất với ông Phạm Hoàng N về thời gian bà và ông N tổ chức cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông N sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa bà và ông N không thể tự hòa giải được. Nay bà T đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà và ông Phạm Hoàng N không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Tiêu Mỹ T và ông Phạm Hoàng N có 02 người con chung tên Phạm Thị Diễm T , sinh năm 1992; Phạm Hoài A, sinh năm 2001. Cả 02 người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Việc tranh chấp giữa ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, ông N và bà T kết hôn vào năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống từ năm 1991 đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không còn hạnh phúc. Kể từ năm 2021 đến nay ông N và bà T không còn chung sống với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, ông N và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của ông Phạm Hoàng N và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T có 02 người con chung tên Phạm Thị Diễm T , sinh năm 1992; Phạm Hoài A, sinh năm 2001. Cả 02 người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phạm Hoàng N và bà Tiêu Mỹ T có 02 người con chung tên Phạm Thị Diễm T , sinh năm 1992; Phạm Hoài A, sinh năm 2001. Cả 02 người con đều đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng N phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009995 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phạm Hoàng N đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ